CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An

Ngày 31/03/2025	31,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.9%	**19.6%**	**25.8%**

DT thuần
Q1/25
13.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.5| 528%
YoY: ▲ 13.7|

LN thuần
Q1/25
-123
tỷ VNĐ
QoQ: ▼99.2| -416%
YoY: ▼122| -8143%

LN sau thuế
Q1/25
-123
tỷ VNĐ
QoQ: ▼99.2| -415%
YoY: ▼122| -8128%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-896%
YoY: +/-▲ 198%

ROE (TTM)
Q1/25
-6.3%
YoY: +/-▼ 5.5%

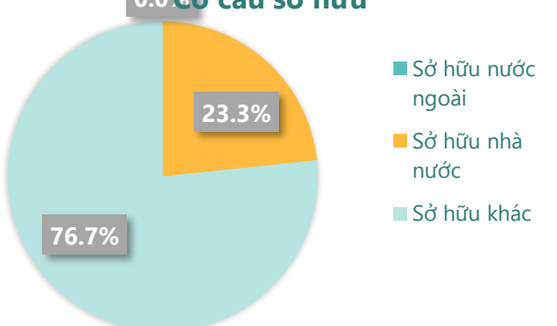
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,800 - 39,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,354
Số lượng CPLH (CP)	232,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,445
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	3.78
EPS	-597
P/E	-53.1

DT thuần
2024
2.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.18|

LN thuần
2024
-17.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.6| -157%

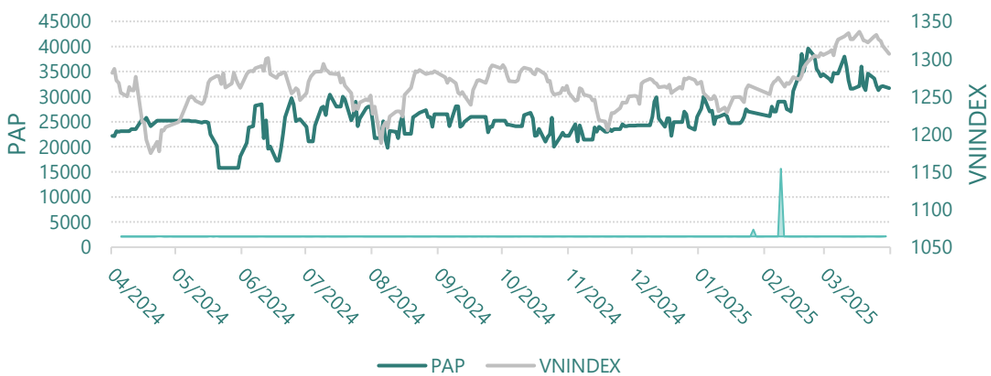
LN sau thuế
2024
-17.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.5| -155%

Cơ cấu sở hữu

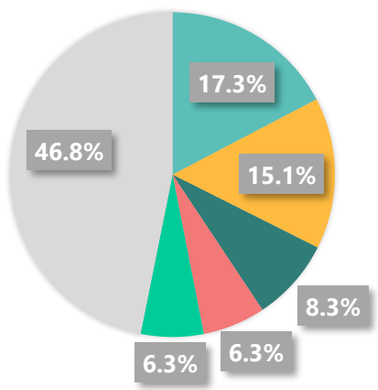


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

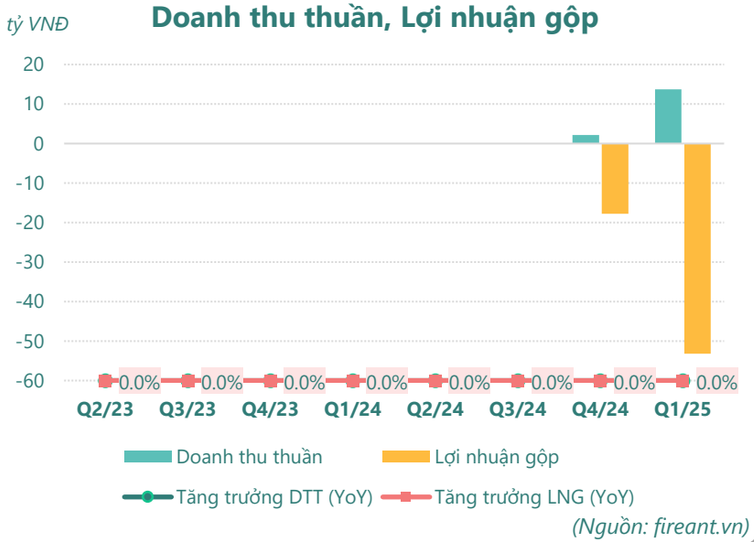


Cơ cấu cổ đông

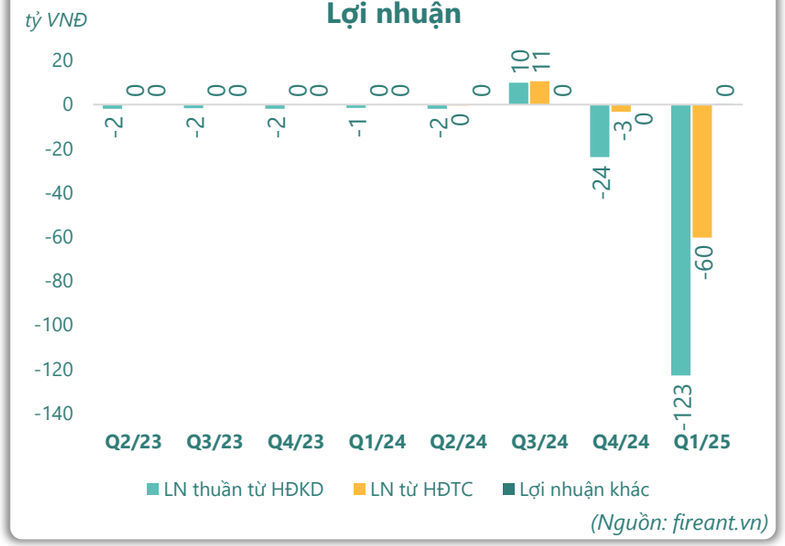


(Nguồn: fireant.vn)

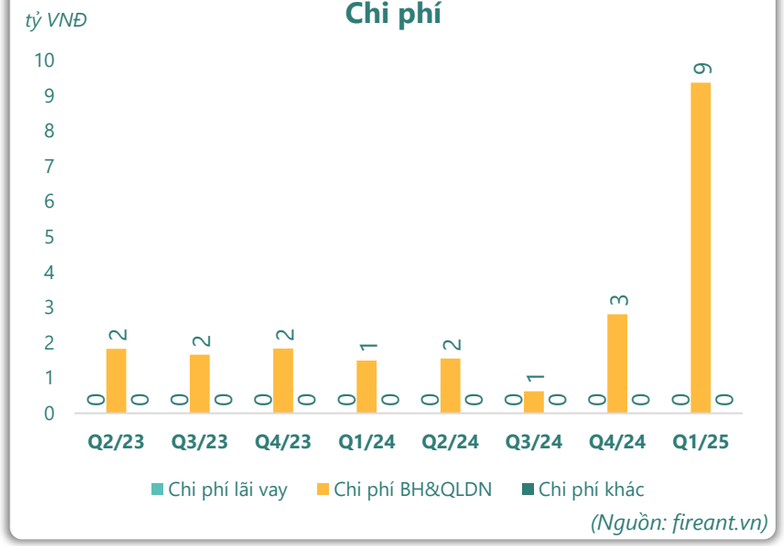
KẾT QUẢ KINH DOANH



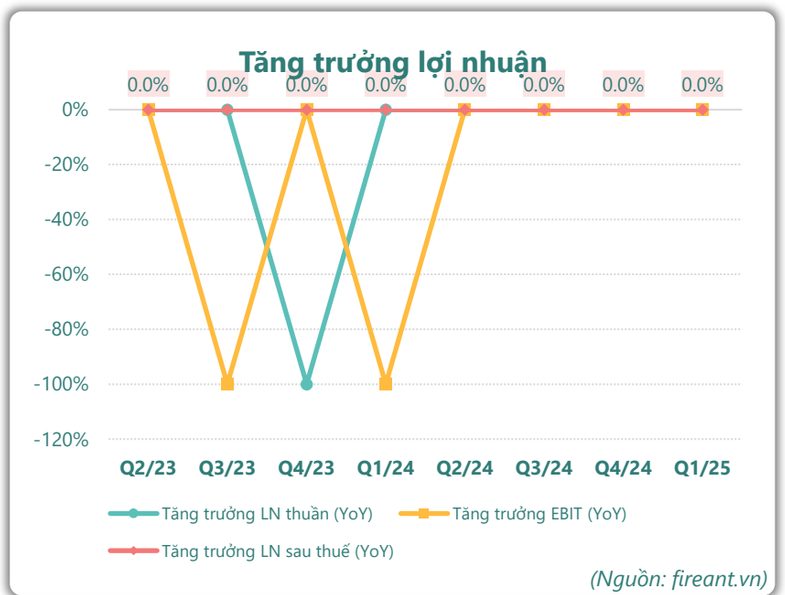
(Nguồn: fireant.vn)



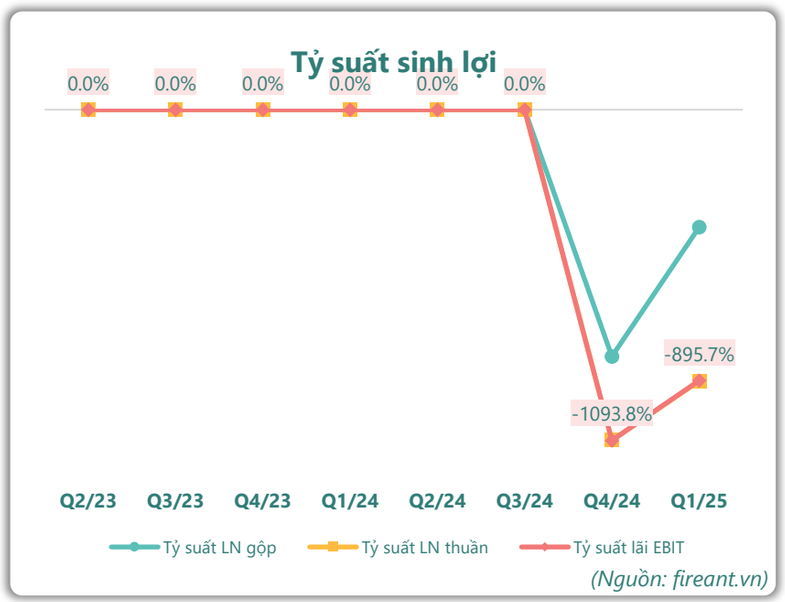
(Nguồn: fireant.vn)



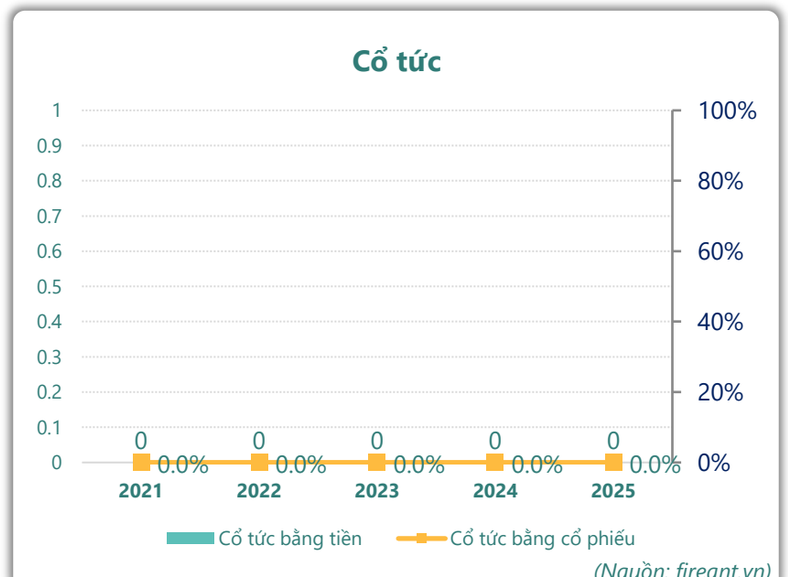
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



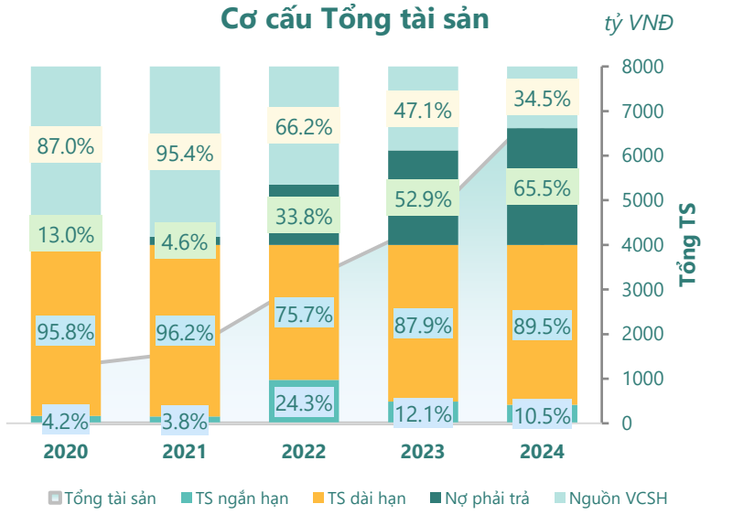
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

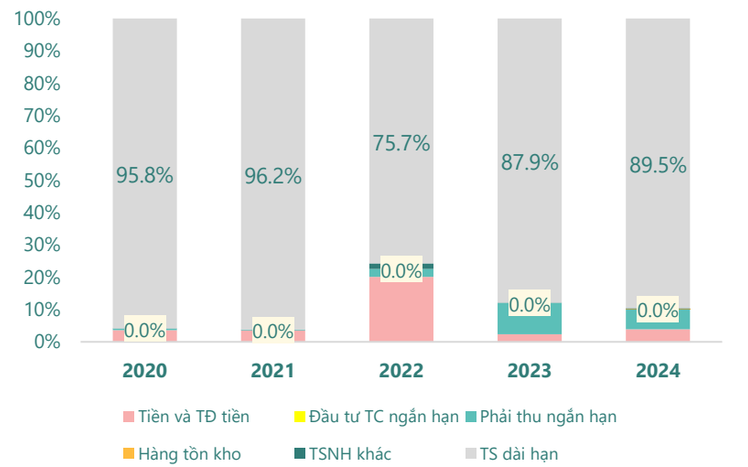
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



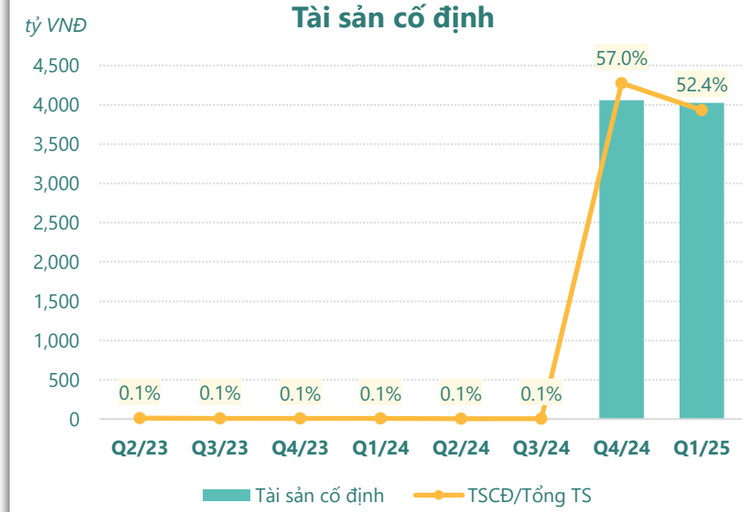
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



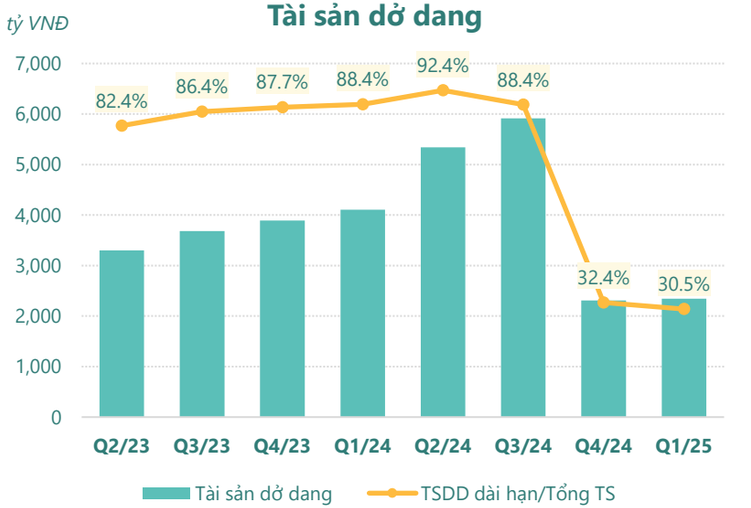
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



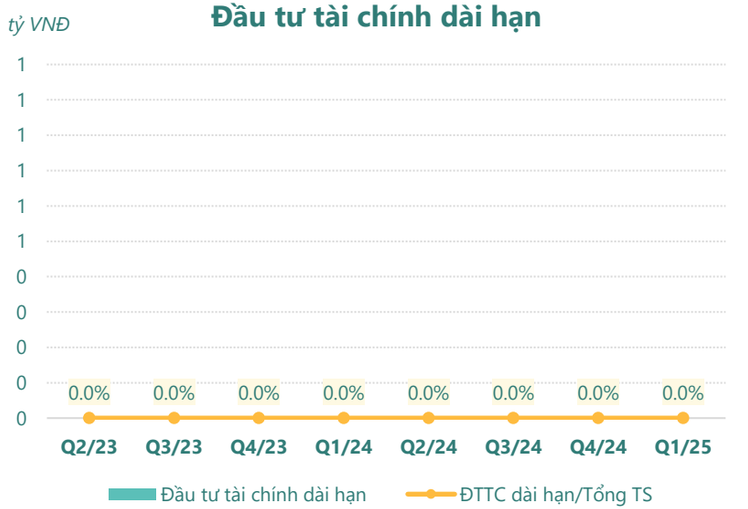
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



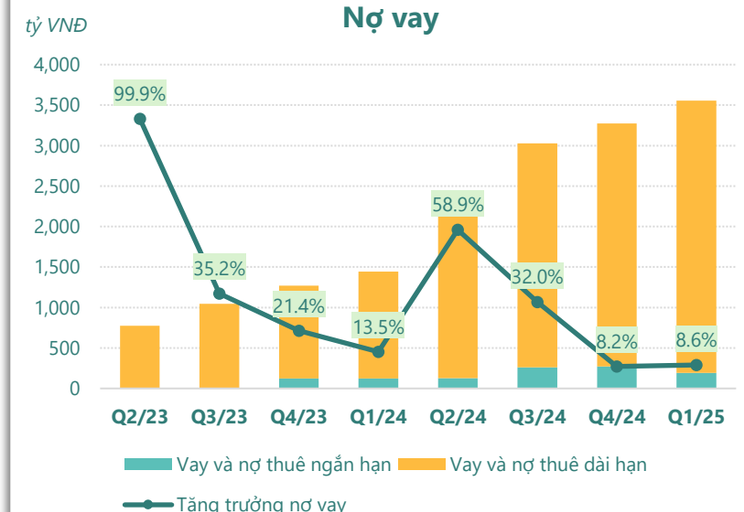
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

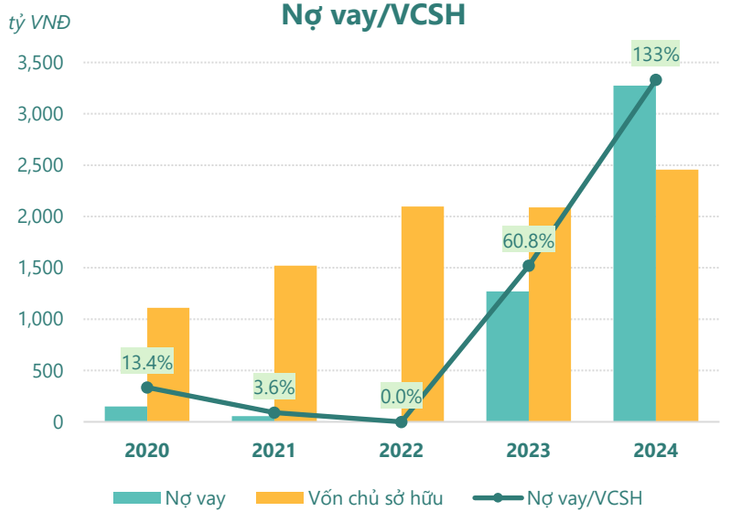
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

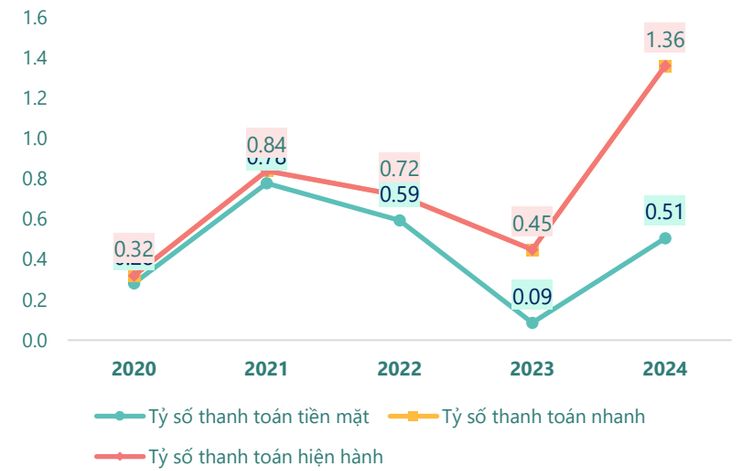
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



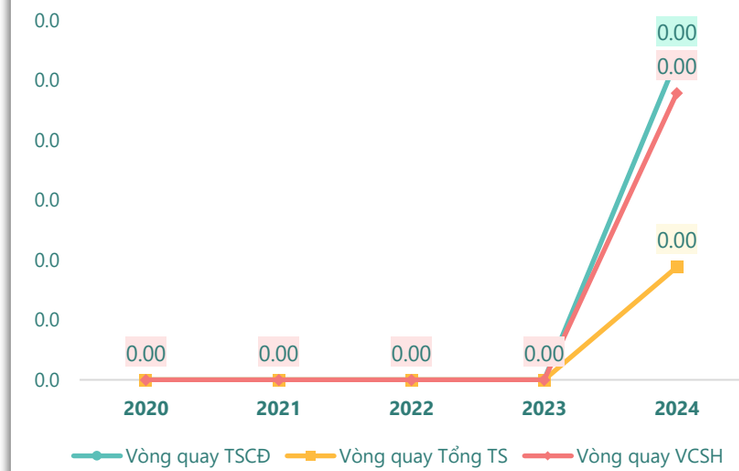
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



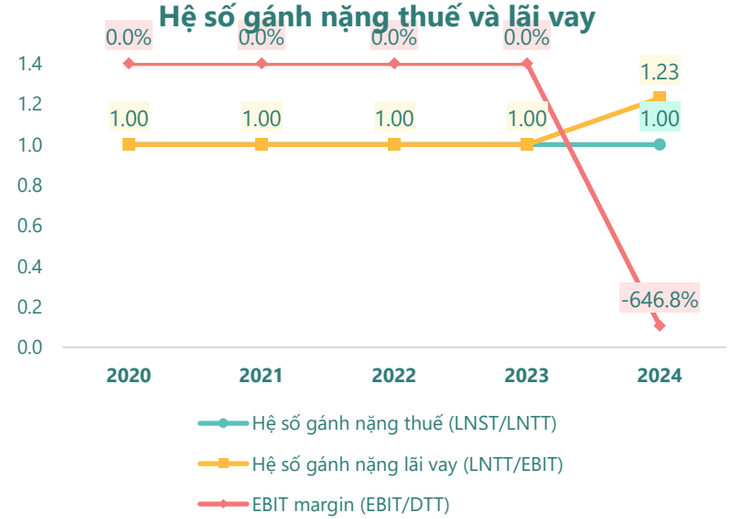
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



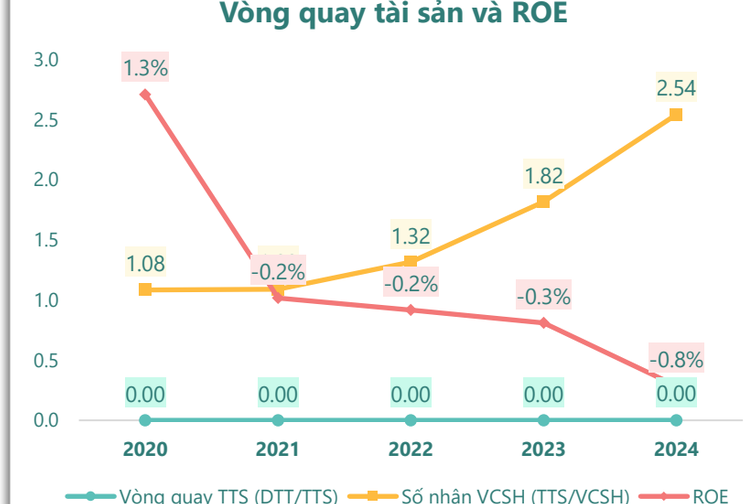
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



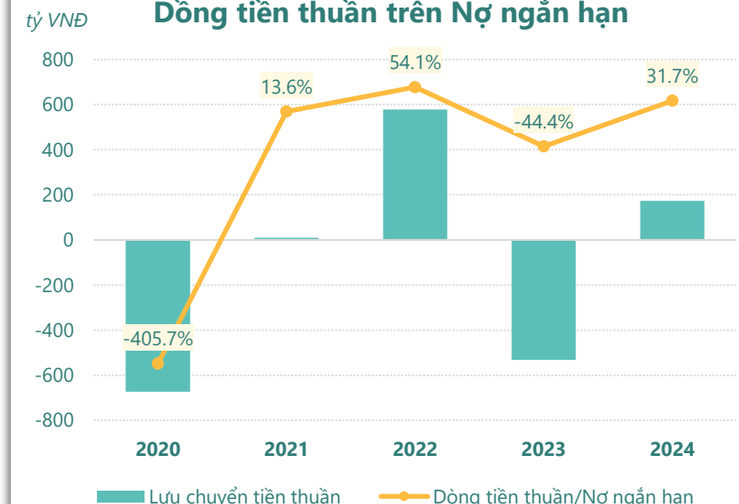
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**13.7**	**0.00**		**2.18**	**0**	
Giá vốn hàng bán	66.8	0.00		19.9	0	
Lợi nhuận gộp	-53.2	0.00		-17.8	0	
Doanh thu HĐTC	2.52	0.00		15.0	0	
Chi phí TC	62.8	0.00		8.08	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		3.23	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.93	0.00		0.45	0	
Chi phí QLDN	**7.44**	**1.49**	**399%**	**6.04**	**6.74**	**-10.5%**
LN thuần từ HĐKD	-123	-1.49	-8143%	-17.3	-6.74	-157%
Lợi nhuận khác	**0.21**	**0.00**		**0.00**	**-0.05**	**92.1%**
LN trước thuế	-123	-1.49	-8128%	-17.3	-6.80	-155%
Lợi nhuận sau thuế	**-123**	**-1.49**	**-8128%**	**-17.3**	**-6.80**	**-155%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-123**	**-1.49**	**-8128%**	**-17.3**	**-6.80**	**-155%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.0	-153	-691	-64.9	595	3.65
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.9	-47.3	-6.71	-93.8	4.78	-23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.7	172	677	269	-487	283
Tiền đầu kỳ	88.0	103	74.7	54.5	164	277
Lưu chuyển tiền thuần	**15.2**	**-28.5**	**-20.2**	**110**	**112**	**263**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	103	74.7	54.5	164	277	540

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,677**	**7,121**	**7.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,300	744	74.6%
Tiền và tương đương tiền	540	277	95.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	721	446	61.7%
Hàng tồn kho	0.39	0.14	179%
Tài sản ngắn hạn khác	38.8	21.8	77.9%
Tài sản dài hạn	**6,378**	**6,377**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	3.88	3.88	0.0%
Tài sản cố định	4,024	4,059	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,345	2,309	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.13**	**4.16**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,344	4,665	14.6%
Nợ ngắn hạn	**830**	**547**	**51.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	191	273	-30.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.9	12.4	-12.7%
Nợ dài hạn	4,514	4,118	9.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,365	3,000	12.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,333**	**2,456**	**-5.0%**
Vốn chủ sở hữu	**2,333**	**2,456**	**-5.0%**
Vốn điều lệ	2,320	2,320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)